

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày 03-5-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên;

2. Ông Lê Đăng Huân;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; trú tại: Thôn P, xã G, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1990; trú tại: 49 Nguyễn Hữu T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Bà Hồ Thị U, ông Nguyễn Ngọc S; trú tại: Thôn L, xã G, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc M, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 8, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Khắc D trình bày:

Bà H với vợ chồng bà U, ông S có mối quan hệ là mẹ con nuôi. Bà H với vợ chồng bà U, ông S vay tiền của nhau nhiều lần, có một số khoản vay vợ chồng bà U, ông S đã trả, còn lại 03 khoản vay chưa trả cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/4/2022, vợ chồng bà U, ông S vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền đề ngày 06/4/2022, chữ ký chữ viết “*Hồ Thị U, Nguyễn Ngọc S*” ở mục người vay tiền là do bà U, ông S trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 06/4/2023. Tuy nhiên, sau đó các bên thỏa thuận lại là khi nào bà H cần tiền thì báo trước 01 tuần (dòng chữ này do vợ chồng ông S viết). Theo giấy vay tiền này ở phần chữ viết của năm lập giấy vay tiền có tẩy xóa, nguyên nhân tẩy xóa là do khi lập giấy viết nhầm từ năm 2022 thành 2023, sau đó bà U tẩy xóa và sửa lại thành năm 2022. Giấy này được lập vào ngày 06/4/2022 là chính xác.

Lần 2: Ngày 06/4/2023, vợ chồng bà U, ông S vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền đề ngày 06/4/2023, chữ ký chữ viết “Hồ Thị U” ở mục người vay tiền là do bà U trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ khi nào bà H cần tiền thì báo cho vợ chồng bà U, ông S trước 15 ngày. Đối với lần vay tiền này ông S chồng bà U không ký ở mục người vay, tuy nhiên ông S biết, đồng ý việc bà U vay tiền của bà H.

Lần 3: Ngày 20/6/2023, vợ chồng bà U, ông S vay của bà H số tiền 60.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay tiền đề ngày 20/6/2023, chữ ký chữ viết “Hồ Thị U” ở mục người vay tiền là do bà U trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 20/9/2023. Đối với lần vay tiền này ông S chồng bà U không ký ở mục người vay, tuy nhiên ông S biết, đồng ý việc bà U vay tiền của bà H.

Từ khi vay cho tới nay vợ chồng ông S, bà U chưa trả cho bà H được bất kỳ khoản tiền nào.

Việc bị đơn cho rằng các bên lập giấy để hợp thức hóa công việc làm ăn, thực tế phía bị đơn chưa nhận tiền là không đúng. Bởi lẽ, nếu chưa nhận được tiền nhưng phía bị đơn không yêu cầu bà H hủy các giấy vay tiền nêu trên. Mặt khác, theo giấy vay đều hẹn ngày trả nợ. Do đó, bị đơn cho rằng chưa nhận được tiền là không có căn cứ.

Do vợ chồng ông S, bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà H đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau: Buộc vợ chồng bà U ông S phải trả cho bà H số tiền gốc là 430.000.000 đồng.

Trước đây bà H có yêu cầu giải quyết về phần lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu giải quyết về phần lãi suất.

- Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Ngọc M trình bày:

Theo giấy vay tiền mặt đề ngày ngày 06 tháng 4 không xác định được năm (vì năm có dấu hiệu sửa chữa, tẩy xóa). Bà U, ông S xác định chữ ký chữ viết ở mục người vay tiền trong giấy là do vợ chồng bà U, ông S trực tiếp ký. Tuy nhiên, sau khi ký thì bà H vẫn chưa giao tiền. Nguyên thủy năm viết giấy là năm bao nhiêu thì vợ chồng bà U, ông S không nhớ và không xác định được. Nguyên đơn cho rằng phần nội dung tẩy xóa là do bà U tẩy và viết lại thì phía bị đơn không đồng ý. Bà U, ông S xác định giấy vay tiền nêu trên là có thật nhưng về nội dung ngày tháng bị sửa thì phía bị đơn không đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét đánh giá đối với giấy vay tiền này.

Theo giấy giấy vay tiền ngày 06/4/2023, bà U ký vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng, chữ ký chữ viết “Hồ Thị U” và dấu lấn tay ở mục bên mượn là do bà U trực tiếp ký. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ khi nào bà H cần tiền thì báo cho vợ chồng bà U, ông S trước 15 ngày. Sau khi viết giấy thì bà U vẫn chưa nhận được tiền. Đối với khoản vay này thì ông S không ký và không biết mục đích vay của bà U để làm gì.

Theo giấy giấy vay tiền ngày 20/6/2023, bà U ký vay của bà H số tiền 60.000.000 đồng, chữ ký chữ viết “Hồ Thị U” ở mục người mượn là do bà U trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 20/9/2023. Sau khi viết giấy thì bà U vẫn chưa nhận được tiền. Đối với khoản vay này thì ông S không ký và không biết mục đích vay của bà U để làm gì.

Các giấy vay tiền nêu trên các bên lập nhằm mục đích hợp thực hóa cho các công việc làm ăn khác giữa bà H với ông S, bà U. Thực tế các bên không giao nhận tiền với nhau. Việc hợp thực hóa mục đích để làm gì thì phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Nay phía nguyên đơn khởi kiện thì phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì thực tế giữa các bên không có việc vay tiền, giao tiền cho nhau.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Buộc bà Hồ Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Buộc bà Hồ Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về án phí: Bị đơn bà Hồ Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 06/4/2022, bà H cùng với vợ chồng bà U, ông S lập giấy vay số tiền 300.000.000 đồng, chữ viết “Hồ Thị U, Nguyễn Ngọc S” ở mục người vay tiền là do bà U, ông S trực tiếp ký. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ vào ngày 06/4/2023. Theo giấy vay tiền đề ngày 06/4/2022, có sửa phần năm lập

giấy và thời hạn trả nợ. Bị đơn thừa nhận chữ ký “Hò Thị U, Nguyễn Ngọc S” ở mục người vay tiền trong giấy là do bà U, ông S trực tiếp ký, thừa nhận các bên có lập giấy vay tiền nêu trên. Vì vậy, có thể khẳng định các bên có lập giấy vay tiền nêu trên với số tiền vay là 300.000.000 đồng.

Ngày 06/4/2023, bà H cùng với bà U lập giấy cho mượn số tiền 70.000.000 đồng, chữ ký chữ viết “Hò Thị U” ở mục bên mượn là do bà U trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ khi nào bà H cần tiền thì báo trước 15 ngày.

Ngày 20/6/2023, bà H cùng với bà U lập giấy cho mượn số tiền 60.000.000 đồng, chữ ký chữ viết “Hò Thị U” ở mục bên mượn là do bà U trực tiếp ký nhận. Theo giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 20/9/2023.

Do đó, có thể xác định vào ngày 06/4/2022 vợ chồng bà U ông S có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng; ngày 06/4/2023 bà U có vay của bà H số tiền 70.000.000 đồng và ngày 20/6/2023 bà U có vay của bà H số tiền 60.000.000 đồng.

[2.2]. Xét ý kiến của bị đơn cho rằng việc lập giấy nhằm hợp thức hóa công việc làm ăn giữa các bên. Bà U, ông S chưa nhận được số tiền vay nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông S, bà U đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đã trực tiếp ký vào các giấy vay tiền ngày 06/4/2022, ngày 06/4/2023 và ngày 20/6/2023. Việc bị đơn cho rằng chưa nhận được số tiền vay nêu trên nhưng từ khi lập giấy cho tới nay phía bị đơn không ý kiến gì hay yêu cầu nguyên đơn hủy bỏ các giấy tờ nêu trên. Hơn nữa, theo giấy vay tiền các bên đều thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu phía bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc lập giấy nhằm hợp thức hóa công việc làm ăn giữa các bên nhưng phía bị đơn không cung cấp được. Do đó, ý kiến của phía bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Hò Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải trả số tiền 430.000.000 đồng thì thấy: Đối với giấy tiền ngày 06/4/2022, số tiền vay 300.000.000 có chữ ký của bà U, ông S nên cần buộc bà Hò Thị U với ông Nguyễn Ngọc S phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 06/4/2023 và số tiền 60.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 20/6/2023, đều không có chữ ký của ông Nguyễn Ngọc S. Quá trình giải quyết vụ án ông S cho rằng không biết việc vay mượn của bà U, không biết bà U vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Nguyên đơn cũng không chứng minh được việc khi bà U vay tiền của bà H thì ông S có biết hay không, mục đích vay tiền để làm gì.

Do đó, cần buộc bà Hò Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng. Buộc bà Hò Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 130.000.000 đồng.

[2.4]. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hò Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải chịu $300.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.000.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Hồ Thị U phải chịu: 130.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc bà Hồ Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Buộc bà Hồ Thị U phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn bà Hồ Thị U, ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Hồ Thị U phải chịu 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 11.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002448 ngày 26/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải